

# Người luật sư tài ba, giàu lòng yêu nước

## Vũ văn Mẫu

Nguyễn Minh Vũ

Trong khi xem cuốn Palmarès niên khóa 1934 – 35, tôi tình cờ thấy tên ông được ghi ở Tú tài Toán phần (Bac. II) hạng Bình thứ (mention Assez Bien) trong niên khóa 1933 - 34. Tôi vốn biết ông là anh ruột thầy giáo của tôi, tiến sĩ Lý Hóa Vũ Như Canh du học ở Pháp về, nên càng muốn tìm hiểu thêm để giới thiệu cho các bạn học ở trường trung học Albert Sarraut cũng như ở lớp Vật Lý khóa 1 trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 tấm gương yêu nước, hiếu học, là 2 anh em ruột của cùng một gia đình.

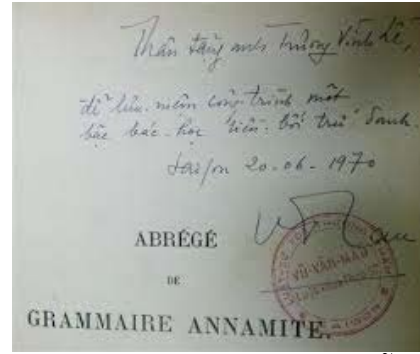
Gia đình ông quê gốc làng Quất Động, thuộc huyện Thường Tín, vốn có nghề thêu, sớm rời quê hương ra định cư ở Hà Nội, mở cửa hàng thêu, hiệu Phúc Thái ở 24 phố Hàng Nón. Ông là con thứ 2 trong nhà, trên ông là một bà chị, dưới ông còn hai em trai và hai em gái. Cụ thân sinh không may mất sớm, cụ bà ở vậy, một mình tần tảo nuôi sáu con ăn học nên người. Ngoài Luật sư Vũ văn Mẫu và Tiến sĩ Lý Hóa Vũ Như Canh, bà con gái Vũ thị Sửu cũng đỗ được sĩ, mở hiệu thuốc tây ở phố Hàng Da. Cụ bà là người kinh doanh giỏi, thuê nhiều thợ lành nghề phát triển nghề thêu truyền thống, buôn bán ngày càng phát đạt, tậu thêm nhà đất không chỉ ở ngay phố Hàng Nón mà còn ở nhiều phố khác, phố Hà Trung, phố Chân Cầm ... Căn nhà bên bờ Hồ Hoàn Kiếm, nay là hiệu kem Bốn Mùa, tòa nhà ở góc phố Ga và phố Lý Thường Kiệt, thời bao cấp được dùng làm khách sạn, gọi là khách sạn Đồng Lợi, cũng đều thuộc sở hữu của cụ. Vốn người có tâm, nghĩ rằng nhờ phúc âm tổ tiên mà ăn nên làm ra, cụ không quên quê hương bản quán. Cụ đã xuất tiền tu sửa, mở rộng con đường nối liền làng Quất Động với quốc lộ I và xây cho làng một trường học để con em trong làng có chỗ học tập gần nhà.

Ông Vũ văn Mẫu sinh ngày 25 – 7 – 1914 tại Hà Nội, được gia đình nuôi cho ăn học từ nhỏ. Ông thông minh, học giỏi, thi đỗ vào trường Bưởi. Sau khi đỗ Tú tài I, ông nộp đơn thi vào trường Albert Sarraut theo học lớp Toán sơ cấp (Math. Elem), năm 1934 ở tuổi 20 đỗ Bac. Math. hạng Bình thứ (mention Assez Bien), không có ai đỗ hạng Bình (mention Bien). Đỗ Bac. Math. cùng khóa này có ông Đỗ Đức Dục (Admissible), còn các ông Võ Nguyên Giáp, Hoàng Xuân Nhị, Phạm Huy Thông, Vũ Tuân Sán đỗ Bac. Philo (Tú tài Triết) cùng hạng Thứ (mention Passable).

Từ năm 1934 đến năm 1937, ông theo học Luật ở trường Đại học Luật Hà Nội. Đỗ Cử nhân Luật rồi ông thi tri huyện, được bổ làm tri huyện huyện Gia Khánh (Ninh Bình), sau chuyển đến Gia Bình (Bắc Ninh). Ông nuôi chí tiếp tục học, đăng ký học Cao học ở trường Đại học Luật, thường đạp xe về thư viện trường Luật mượn tài liệu tự học tập nghiên cứu, thi đỗ luôn 2 bằng Cao học, trong đó có bằng Cao học Kinh tế. Thống sứ thời ấy thông cảm với ông tri huyện trẻ ham học, chuyển ông về làm tri huyện huyện Đông Anh, gần Hà Nội hơn. Vợ ông thuộc gia đình gia giáo, danh giá, là bà Hoàng thị Nguyệt My, con gái cụ Cử Sen Hồ Hoàng Gia Luận. Sau Cách mạng Tháng Tám ông ở nhà, âm thầm chuẩn bị luận án tiến sĩ dưới sự hướng dẫn của giáo sư Camerlynck, năm 1948 sang Paris bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ Luật; trở về nước, ông được mời làm giảng sư Luật ở trường Đại học Luật Hà Nội. Năm 1951 ông trở lại Paris chuẩn bị thi Thạc sĩ Luật và năm 1953 đỗ Thạc sĩ<sup>(1)</sup>. Sau đó ông về nước, tiếp tục giảng dạy ở trường Đại học Luật Hà Nội; em ông, Tiến sĩ Lý Hóa Vũ Như Canh, cũng đã rời Đại học Paris về dạy ở trường Đại học Khoa học Hà Nội từ 2 năm trước.



Chân dung LS Vũ Văn Mẫu



Bút tích của LS Vũ Văn Mẫu

Năm 1954, theo hiệp định Genève (7 – 1954) nước ta bị chia cắt làm 2 miền, ông di tản vào Sài Gòn, trong khi em ông, Tiến sĩ Vũ Như Canh, quyết định ở lại Hà Nội. Vào Sài Gòn, ông được bổ làm Chánh Nhất Tòa Phá Án <sup>(2)</sup>, đồng thời tham gia giảng dạy ở khoa Luật trường Đại học Sài Gòn, làm Trưởng khoa Luật, trưởng khoa đầu tiên người Việt Nam. Ông nổi tiếng là một học giả lớn về Luật, là chuyên gia về Dân Luật và Cổ Luật, thành thạo nhiều ngoại ngữ Pháp, Anh, La Tinh, Hán, uyên thâm cả về cựu học lẫn tân học, được đồng nghiệp kính trọng, sinh viên tín nhiệm, quý mến. Theo hồi ức của ông Đào Văn Bình, một cựu sinh viên khoa Luật năm 1962, “có 2 môn hấp dẫn sinh viên nhất là Pháp chế Sử của giáo sư Vũ Quốc Thông và Dân luật của giáo sư Vũ Văn Mẫu...Giáo sư Mẫu giảng bài rất hấp dẫn mà không bao giờ nhìn bài soạn. Người giảng Dân luật khái luận phải am tường lịch sử các triều đại Việt Nam, phân tích các điển chế ở từng thời kỳ một cách ngọn ngành, không thể chỉ đem các kiến thức luật của Cổ La Mã, Anh, Pháp...về dạy là đủ. Do tinh thông Hán học, giáo sư đã phân tích rõ được tính ưu việt của Luật Hồng Đức gồm 13 chương, 700 điều, phê phán vua Gia Long đã bỏ luật này mà chế ra Luật Gia Long, sao chép hầu như nguyên văn bộ Luật Mãn Thanh rất lạc hậu...” Theo ông, một bộ luật, dù tiên tiến và hoàn chỉnh đến đâu, vẫn cần cộng thêm lòng nhân đức của nhà cầm quyền. Năm 1955, sau cuộc Trưng cầu dân ý, Cựu hoàng Bảo Đại bị phế truất, Ngô đình Diệm được suy tôn làm tổng thống, ông được mời ra làm Bộ trưởng bộ Ngoại giao, tuy nhiên ông vẫn không bỏ công tác giảng dạy. Để có tài liệu lên lớp cũng như giúp sinh viên có giáo trình học tập, tham khảo, ông đã biên soạn và cho xuất bản nhiều bộ sách về Luật:

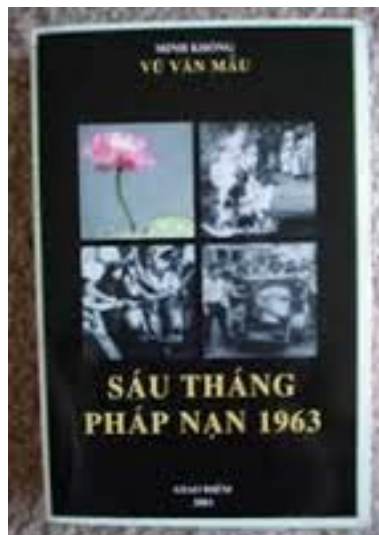
- Dân luật khái luận
- Dân luật lược giảng (2 tập)
- Pháp luật dẫn giảng (2 tập)

Cả 3 bộ này đều do trường ĐH Luật Sài Gòn xuất bản

- Từ điển Pháp – Việt về pháp luật, chính trị, kinh tế xuất bản năm 1955
- Từ điển Pháp – Việt về pháp chính, kinh tài, xã hội, xuất bản năm 1970.
- Từ điển Hiến luật và Dân luật, soạn chung với giáo sư Lê đình Chân
- Tiểu từ điển Luật – Kinh tế, soạn chung với các giáo sư Hồ thới Sang, Lê đình Chân, Lưu Văn Bình, Nguyễn cao Hách, xuất bản năm 1973
- Cổ luật VN và Tư pháp sử diễn giảng, xuất bản năm 1973
- Cổ luật VN thường khảo (2 tập), xuất bản năm 1974



Chế độ Ngô đình Diệm được Mỹ giúp đỡ nhằm ngăn chặn phong trào Cộng sản, không muốn tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước, đi ngược lại nguyện vọng của đại đa số nhân dân; gia đình Ngô đình Diệm vốn theo Công giáo, kỳ thị Phật giáo, trong khi đa số người dân miền Nam theo Phật giáo, nên tình hình miền Nam ngày càng thêm rối ren. Năm 1963 nổ ra phong trào đàn áp Phật giáo, tàn khốc nhất là ở thành phố Huế, nhiều phật tử bị sát hại. Vốn là một phật tử sùng đạo, ông tự thấy mình phải bộc lộ chính kiến phản đối cuộc đàn áp, không thể tiếp tục cộng tác với chính quyền. Cuốn Hồi ký của ông “*Sáu tháng Pháp nạn 1963*” viết năm 1984 với pháp danh Minh Không, lúc đầu in ronéo, năm 2003 được in lại tại Mỹ, thuật lại những sự kiện xảy ra từ vụ triệt hạ cờ Phật giáo tại Huế (8 – 5 – 1963) đến ngày xảy ra đảo chính lật đổ Ngô đình Diệm (1 – 11 – 1963), với 2 vụ tự thiêu, thượng tọa Thích Tiêu Diêu ở Huế và hòa thượng Thích Quảng Đức ở Sài Gòn, cuối cùng là vụ từ chức của ông. Ông viết “*Ngọn lửa thiêng của Đạo pháp soi sáng tâm trí tôi trong giờ phút nghiêm trọng và gấp rút này để nhận thấy ngay hình thức từ chức tốt nhất: Chỉ có cách cạo đầu từ chức, đi hành hương tại Ấn Độ để nguyện cầu cho Đạo pháp, cho tự do tín ngưỡng và dân tộc đoàn kết*”.



*Ngoại trưởng Vũ văn Mẫu cạo tóc đầu*

Ngày 22 - 8 - 1963 sau khi tiếp các đại sứ các nước châu Á theo đạo Phật, ông tập hợp các nhân viên Bộ Ngoại Giao, giải thích ý nghĩa việc ông quyết định từ chức bộ trưởng. Rồi ông đi đến tiệm hớt tóc để cạo đầu, sau đó về Bộ thảo đơn từ chức, gửi đến tổng thống Ngô Đình Diệm. Suốt buổi tối, nhiều nhân vật cao cấp trong chính phủ và cả Tổng thống Ngô Đình Diệm gọi điện thoại đề nghị ông đừng từ

chức, trong khi Cố vấn Ngô Đình Nhu tỏ ra lạnh nhạt, bức bối. Ngày 24 – 8 – 1963 ông đến trường Đại học Luật, vừa xuống xe sinh viên đã công kênh ông vào trường rồi tất cả ngồi xuống sân nghe ông nói chuyện và giải thích chuyện ông từ chức. Sau đó ông bị giam lỏng tại nhà, ngày 26 – 8 bị giữ lại, không cho đến phi trường để đi Ấn Độ. Nhờ sự can thiệp của Ngoại giao đoàn và của Tổng giám mục Asta, Khâm mạng đại sứ của Vatican tại Sài Gòn, ông mới sớm được thả, và chiều 29 – 8 – 1963 được lên máy bay đi Ấn Độ. Ông lưu lại Ấn Độ vài ba tuần lễ, hành hương đến nhiều chùa chiền thánh địa nổi tiếng như Bồ đề Đạo tràng (Bodh Gaya) nơi Đức Thế tôn thành đạo bên gốc cây bồ đề, rồi ngày 15 – 9 – 1963 rời Ấn Độ sang Pháp.

Sau khi Ngô Đình Diệm bị lật đổ, chính quyền Sài Gòn mới bổ nhiệm ông làm đại sứ của Việt Nam Cộng Hòa ở nước ngoài, ở Anh, Bỉ, Hà Lan... Tình hình miền Nam ngày càng rối ren, các phe phái đánh nhau loạn xạ, chính quyền thay đổi xoành xoạch. Khi Nguyễn văn Thiệu lên làm Quyền Tổng thống, ông mới trở về nước, mở văn phòng luật sư chủ yếu làm các vụ án dân sự; thân chủ thường là các hãng lớn như các hãng dầu Shell, Esso, các đại thương gia. Về hình sự, ông ít tham gia, chỉ nhận vài vụ án có tính chất chính trị, như vụ án Huỳnh Tấn Mẫm hay vụ án bà Ngô Bá Thành.

Năm 1969 Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam ra đời, sau trở thành Chính phủ Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, thu hút được sự quan tâm của người dân và sự ủng hộ của một bộ phận không nhỏ các nhân sĩ trí thức, của sinh viên như Huỳnh Tấn Mẫm, kể cả một số nghị sĩ ở Hạ Viện như Lê Hiếu Đằng, Hồ Ngọc Nhuận, Lê Công Giàu...; những người này và ông đã tập hợp cùng nhau, lập ra Mặt trận Hòa giải Dân tộc. Năm 1970, với tư cách là một trong các lãnh đạo của Mặt trận Hòa giải Dân tộc, ông quyết định tham gia Liên danh Hoa Sen thuộc phe đối lập, trở thành người đứng đầu Liên danh, ra tranh cử Thượng nghị sĩ và đã đắc cử. Suốt cả nhiệm kỳ ông luôn tích cực hoạt động cho phong trào hòa bình, hòa giải dân tộc. Cũng như nhiều người dân miền Nam lúc ấy, ông tin tưởng là sẽ có chính phủ Liên hiệp ba thành phần, sau khi chiến tranh kết thúc sẽ cùng chung tay xây dựng lại đất nước vốn bị chiến tranh tàn phá nặng nề và ông cũng như bao người dân Miền Nam đã bị vỡ mộng. Khi Nguyễn văn Thiệu bị buộc phải từ chức, chiến tranh cận kề ngay sát cửa ngõ Sài Gòn, Quốc hội bỏ phiếu bất tín nhiệm Trần văn Hương, bầu đại tướng Dương văn Minh lên làm tổng thống (26 – 4 – 1975). Ông Vũ văn Mẫu được mời làm thủ tướng, ông Lý Quý Chung làm bộ trưởng bộ Thông tin. Trong Hồi ký của mình đã được xuất bản năm 2011, ông Lý Quý Chung đã viết: *“Ở vị trí thủ tướng, ông Minh mời luật sư – nghị sĩ Vũ văn Mẫu, người đã từng là ngoại trưởng trong chính phủ Ngô đình Diệm 12 năm về trước. Vào thời điểm chính phủ Diệm đối đầu với cuộc đấu tranh của Phật giáo và có những hành động đàn áp ác liệt, ngoại trưởng Vũ văn Mẫu đang đi công tác tại Hoa Kỳ. Ông đã cạo đầu và tuyên bố từ chức để phản đối chính sách đàn áp của gia đình ông Diệm đối với Phật giáo. Ông Mẫu để lại trong đầu tôi hình ảnh một con người có uy tín lớn về nhiều mặt, từ nghề nghiệp riêng trong giới luật sư cho đến các hoạt động chính trị qua cả 2 thời kỳ Ngô đình Diệm và Nguyễn văn Thiệu. Thái độ chân thành và có thể gọi là dũng cảm của ông trong những ngày cuối cùng và cả khi lực lượng Giải phóng vào Dinh Độc Lập khiến cho tôi nhớ mãi và kính phục”*. Nhiều tướng lĩnh đã bỏ trốn, nhưng quân lực miền Nam vẫn chưa đổ vỡ hoàn toàn, tuy nhiên tổng thống Dương văn Minh, thủ tướng Vũ văn Mẫu và các thành viên chính phủ mới được thành lập, không ai nghĩ đến việc tiếp tục chiến tranh, mà chỉ nghĩ đến việc văn hòa hòa bình để không còn ai bị chết nữa và nhất là để cho thành phố Sài Gòn không bị tàn phá. Suy nghĩ này của Tổng thống Dương văn Minh và của Nội các Vũ văn Mẫu vào thời điểm nước sôi lửa bỏng này quả là vô cùng sáng suốt, chứng tỏ các ông đều có lòng yêu nước, chỉ nghĩ đến Tổ quốc và Dân tộc, không hề nghĩ đến cá nhân mình. Nội các Vũ văn Mẫu chỉ tồn tại đúng 1 ngày thì xe tăng quân Giải phóng đã húc đổ cổng Dinh Độc Lập và tổng thống Dương văn Minh đã phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện (30 – 4 – 1975). Ngay sau đó, thiếu tá Phạm Châu Tài, chỉ huy trưởng lực lượng phòng thủ còn lại ở Bộ Tổng tham mưu gọi điện đến chất vấn: *“Thưa đại tướng, tôi vẫn còn quân mà sao đại tướng lại đầu hàng?”* và tổng thống Minh đã trả lời: *“Đã trễ rồi, em. Qua muốn tránh cho dân khỏi chết chóc và Sài Gòn khỏi thành bình địa. Minh phải cứu dân trước đã”* (theo lời kể của Nhan Hữu Hậu, sĩ quan cận vệ của thủ tướng Vũ Văn Mẫu)



*Thủ tướng VV Mậu, Tổng thống DV Minh và Bộ trưởng Bộ Thông tin Lý Quý Chung*



*Thủ tướng VV Mậu, Tổng thống DV Minh và nhà báo Bùi Tín (người đội mũ)*

Sáng 30 – 4 – 1975 chiếc tàu Việt Nam Thương Tín, chiếc tàu thủy viễn dương lớn nhất miền Nam, vẫn còn đậu ở cảng Sài Gòn, chờ đón những người di tản cuối cùng, song hầu như mọi người có mặt lúc ấy ở Dinh Độc Lập không ai muốn đi. Hồi ký của ông Lý Quý Chung thuật lại : *“Thủ tướng Vũ văn Mậu cho biết ông không đi trong những điều kiện như thế này. Nếu sau này chính phủ Cách mạng Lâm thời miền Nam cho ra đi chính thức thì ông sẽ đi”*. Sau đó ông bị quản thúc tại nhà rồi được tham dự một đợt học tập chính trị chừng một tuần lễ cùng với một số nhân vật đứng đầu chính quyền Sài Gòn cũ như Dương văn Minh, Nguyễn văn Huyền, Trần văn Hương... Năm 1976, trường Đại học Paris mời ông sang dạy, song ông chưa được phép xuất cảnh, mãi đến năm 1988 mới được cấp phép cho đi. Lúc này ông đã quá tuổi lao động, nên chỉ sang Pháp thăm hỏi họ hàng rồi lại trở về nước. Mười năm cuối đời, cứ 6 tháng mùa âm ông sang Paris ở, 6 tháng mùa lạnh lại trở về Việt Nam, vẫn làm chủ hộ khẩu căn nhà cũ ở quận I Sài Gòn, không bao giờ chịu định cư hẳn ở nước ngoài, xa rời hẳn quê hương đất nước. Suốt đời ông luôn nghĩ đến quê hương đất nước, luôn nhớ mình là người Việt Nam, suốt đời chỉ dùng một họ chiếu Việt Nam.

Năm 1989, ông bắt đầu biên soạn cuốn *“Hành trình mở cõi của dân tộc Việt”* dự kiến chia làm 3 tập:

- Tập 1: Việt – Chă-m-pa
- Tập 2: Việt – Phù-nam
- Tập 3: Việt – Cam-pu-chia

Cuốn này mới được đánh máy trên giấy A4, không rõ đã hoàn thành hay chưa.

Ông sinh hạ được 5 con, tất cả đều thành đạt, hầu hết định cư ở Pháp. Ái nữ là bà Vũ thị Việt Hương theo nghề của cha, thi đỗ vào trường Đại học Luật Sài Gòn, rồi đỗ Tiến sĩ Luật, trở về trường cũ giảng dạy, chuyên về Luật Quốc tế và Luật Đối sánh.

Ông qua đời tại Paris ngày 20 – 8 – 1998, thọ 84 tuổi, kết thúc một cuộc đời hơn nửa thế kỷ dấn thân vì nước, gắn bó với bao thăng trầm của đất nước.

Nhận xét về ông, xin mượn lời hòa thượng Thích Mẫn Giác (California) nói trong Lời mở đầu cuốn Hồi ký *“Sáu tháng Pháp nạn 1963”* lần tái bản ở Mỹ: *“Trong mắt tôi ông là một kẻ sĩ khí phách hiem hoi của Miền Nam, một người làm chính trị chân thực và có lòng, một nhà mô phạm chừng mực và trong sáng, một phật tử hộ đạo thiết tha”*.

### **Chú thích:**

(1) Thạc sĩ (Agrégé) ở Pháp khác Thạc sĩ ở Việt Nam. Ở Việt Nam, Thạc sĩ là một cấp học trên đại học, gồm Thạc sĩ và Tiến sĩ, trong khi ở Pháp Thạc sĩ chỉ là một kỳ thi bắt buộc phải đỗ để được tuyển vào ngạch giáo sư đi dạy học ở các trường trung học (lycée) hay đại học; người nào thi đỗ được gọi là giáo sư thạc sĩ (professeur agrégé). Giáo sư thạc sĩ trung học (Khoa học, Văn chương, Ngoại

ngữ...) chỉ cần có bằng cử nhân là được dự thi, còn giáo sư thạc sĩ đại học (Y khoa, Dược khoa, Luật...) phải có bằng tiến sĩ mới được dự thi. Như vậy thạc sĩ Luật thực tế cao hơn tiến sĩ Luật.

(2) Tòa Phá Án thời Ngô Đình Diệm năm 1954 cao hơn Tòa Thượng thẩm, có vai trò tương tự như Tòa Án Tối Cao ở Việt Nam hiện nay.

*Khởi thảo: 21 – 9 – 2012*  
*Hoàn thành: 16 – 3 – 2014*

Nguyễn Minh Vũ